

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo  
Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025  
của Chính phủ, khối xã (đợt 08)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế;*

*Căn cứ các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 về việc phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 về việc phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 về việc phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế năm 2025 theo quy định tại Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân các xã<sup>1</sup> và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4964/STC-QLNS ngày 12/12/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ khối xã (đợt 08), với tổng kinh phí là **7.529.158.809** đồng từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025, chi tiết có phụ lục 01, 02 kèm theo.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh cho Ủy ban nhân dân các xã theo quy định tại Điều 1 Quyết định

<sup>1</sup> Đình Cương tại Công văn số 1214/UBND-KT ngày 05/12/2025, Sơn Mai tại Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 05/12/2025 và Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 10/12/2025, Long Phụng tại Công văn số 742/UBND-VHXX ngày 01/12/2025, Bình Sơn tại Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 09/12/2025, Thiện Tín tại Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 10/12/2025.

này và tổng hợp nhu cầu cải cách tiền lương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã: Đình Cương, Sơn Mai, Long Phụng, Bình Sơn, Thiện Tín sử dụng nguồn kinh phí được cấp để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Kho bạc Nhà nước Khu vực XV có trách nhiệm kiểm soát chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Đình Cương, Sơn Mai, Long Phụng, Bình Sơn, Thiện Tín và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP<sup>(NC)</sup>;
- Lưu: VT, NC<sub>PKĐ</sub>.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng Giang**



**Phụ lục 01**

**KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP KHỎI XÃ (ĐỢT 8)**

*(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

*ĐVT: đồng*

| TT         | Đơn vị           | Kinh phí chi trả     |                      |                | Nguồn kinh phí chi trả  |                      |                                     |                                       |
|------------|------------------|----------------------|----------------------|----------------|-------------------------|----------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
|            |                  | Tổng số              | Trong đó             |                | Tổng số                 | Nguồn đơn vị chi trả | Nguồn NSNN cấp                      |                                       |
|            |                  |                      | Nghỉ hưu trước tuổi  | Thôi việc ngay |                         |                      | Từ nguồn cải cách tiền lương của xã | Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh |
| <i>(1)</i> | <i>(2)</i>       | <i>(4)=(5)+(6)</i>   | <i>(5)</i>           | <i>(6)</i>     | <i>(7)=(8)+(9)+(10)</i> | <i>(8)</i>           | <i>(9)</i>                          | <i>(10)</i>                           |
| 1          | Xã Đình Cương    | 946.648.929          | 946.648.929          |                | 946.648.929             |                      |                                     | 946.648.929                           |
| 2          | Xã Sơn Mai       | 2.357.216.748        | 2.357.216.748        |                | 2.357.216.748           |                      |                                     | 2.357.216.748                         |
| 3          | Xã Long Phụng    | 393.257.560          | 393.257.560          |                | 393.257.560             |                      |                                     | 393.257.560                           |
| 4          | Xã Bình Sơn      | 3.275.544.566        | 3.275.544.566        |                | 3.275.544.566           |                      |                                     | 3.275.544.566                         |
| 5          | Xã Thiện Tín     | 556.491.005          | 556.491.005          |                | 556.491.005             |                      |                                     | 556.491.005                           |
|            | <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>7.529.158.809</b> | <b>7.529.158.809</b> | <b>0</b>       | <b>7.529.158.809</b>    | <b>0</b>             | <b>0</b>                            | <b>7.529.158.809</b>                  |

**PHỤ LỤC 02**  
**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ (ĐỢT 8)**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT         | Họ và tên                                   | Ngày tháng năm sinh | Trình độ đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm | Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng |                 | Phụ cấp chức vụ (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) |                 | Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH | Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng) | Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế | Thời điểm tính gián biên chế | Số năm nghỉ hưu trước tuổi | Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (đồng) |                                                |                                   |                                     |
|------------|---------------------------------------------|---------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
|            |                                             |                     |                  |                                     | Hệ số lương                                               | Thời điểm hưởng | Hệ số                    | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                     | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                           | Thời điểm hưởng |                               |                                    |                                        |                              |                            | Tổng cộng                                       | Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi | Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH | Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH |
| 1          | 2                                           | 3                   | 4                | 5                                   | 6                                                         | 7               | 8                        | 9               | 10                              | 11              | 12                                    | 13              | 14                            | 15                                 | 16                                     | 17                           | 18                         | 19                                              | 20                                             | 21                                | 22                                  |
| <b>I</b>   | <b>XÃ BÌNH CƯƠNG</b>                        |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | <b>946.648.929</b>                              | <b>539.663.686</b>                             | <b>166.191.103</b>                | <b>240.794.140</b>                  |
| *          | <b>Trường Tiểu học Hành Thịnh</b>           |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 1          | Nguyễn Thị Ngọc Vân                         | 10/2/1971           | Cao đẳng         | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/8/2019       | 0,2                      | 01/9/2025       | 31%                             | 01/3/2025       | 8%                                    | 01/8/2025       | 33 năm 3 tháng                | 16.802.070                         | 54 tuổi 9 tháng                        | 01/12/2025                   | 2 năm 11 tháng             | 449.455.373                                     | 252.031.050                                    | 84.010.350                        | 113.413.973                         |
| *          | <b>Trường THCS Nguyễn Kim Vang</b>          |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 2          | Trang Hoàng Tân                             | 31/01/1967          | Cao đẳng         | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/11/2019      |                          |                 | 33%                             | 01/11/2025      | 8%                                    | 01/11/2025      | 35 năm 01 tháng               | 16.436.151                         | 58 tuổi 10 tháng                       | 01/12/2025                   | 3 năm 02 tháng             | 497.193.557                                     | 287.632.636                                    | 82.180.753                        | 127.380.167                         |
| <b>II</b>  | <b>XÃ SƠN MAI</b>                           |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | <b>2.357.216.748</b>                            | <b>1.485.262.398</b>                           | <b>338.320.275</b>                | <b>533.634.076</b>                  |
| *          | <b>Trường Tiểu học Long Mai</b>             |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 3          | Nguyễn Thanh Thoại                          | 26/08/1968          | Đại học          | Giáo viên                           | 4,98                                                      | 01/10/2019      |                          |                 | 35%                             | 01/03/2025      | 7%                                    | 01/10/2024      | 37 năm 06 tháng               | 16.833.047                         | 57 tuổi 00 tháng                       | 01/09/2025                   | 5 năm                      | 652.280.571                                     | 420.826.175                                    | 84.165.235                        | 147.289.161                         |
| 4          | Võ Thị Kim Xuyên                            | 14/03/1972          | Đại học          | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/07/2018      | 0,2                      | 01/09/2025      | 33%                             | 01/10/2025      | 9%                                    | 01/07/2025      | 34 năm 03 tháng               | 17.210.777                         | 53 tuổi 8 tháng                        | 01/12/2025                   | 4 năm 8 tháng              | 641.101.443                                     | 430.269.425                                    | 86.053.885                        | 124.778.133                         |
| *          | <b>Trường Tiểu học Long Sơn</b>             |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 5          | Nguyễn Tấn Dư                               | 02/10/1967          | Cao đẳng         | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/01/2019      | 0,2                      | 01/2025         | 35%                             | 01/3/2025       | 8%                                    | 01/01/2025      | 37 năm 01 tháng               | 17.315.111                         | 57 tuổi 10 tháng                       | 01/09/2025                   | 4 năm 02 tháng             | 627.672.774                                     | 389.589.998                                    | 86.575.555                        | 151.507.221                         |
| *          | <b>Trường THCS Long Mai</b>                 |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 6          | Lê Thị Hạnh                                 | 19/11/1970          | Đại học          | Giáo viên                           | 5,36                                                      | 01/01/2025      |                          |                 | 30%                             | 01/01/2025      |                                       |                 | 33 năm 03 tháng               | 16.305.120                         | 55 tuổi                                | 01/12/2025                   | 2 năm 08 tháng             | 436.161.960                                     | 244.576.800                                    | 81.525.600                        | 110.059.560                         |
| <b>III</b> | <b>XÃ LONG PHỤNG</b>                        |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | <b>393.257.560</b>                              | <b>198.614.930</b>                             | <b>79.445.972</b>                 | <b>115.196.659</b>                  |
| *          | <b>Trường THCS Đức Lợi</b>                  |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 7          | Nguyễn Nường                                | 22/4/1966           | Cao Đẳng         | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/01/2021      |                          |                 | 31%                             | 01/01/2025      | 6%                                    | 01/01/2025      | 34 năm 2 tháng                | 15.889.194                         | 59 tuổi 7 tháng                        | 01/12/2025                   | 2 năm 5 tháng              | 393.257.560                                     | 198.614.930                                    | 79.445.972                        | 115.196.659                         |
| <b>IV</b>  | <b>XÃ BÌNH SƠN</b>                          |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            | <b>3.275.544.566</b>                            | <b>2.054.884.993</b>                           | <b>479.848.590</b>                | <b>740.810.983</b>                  |
| *          | <b>Trường THCS xã Bình Chánh</b>            |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 8          | Nguyễn Tấn Tiến                             | 21/11/1967          | Đại học          | Giáo viên                           | 5,7                                                       | 29/11/2023      |                          |                 | 35%                             | 31/12/2024      |                                       |                 | 38 năm 1 tháng                | 18.006.300                         | 57 tuổi 09 tháng                       | 01/9/2025                    | 4 năm 3 tháng              | 661.731.525                                     | 405.141.750                                    | 90.031.500                        | 166.558.275                         |
| 9          | Nguyễn Tấn Vinh                             | 02/4/1968           | Đại học          | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/8/2020       |                          |                 | 32%                             | 01/8/2025       | 6%                                    | 01/2/2025       | 34 năm 0 tháng                | 16.010.486                         | 57 tuổi 4 tháng                        | 01/9/2025                    | 4 năm 8 tháng              | 592.387.979                                     | 400.262.148                                    | 80.052.430                        | 112.073.401                         |
| *          | <b>Trường Tiểu học số 1 thị trấn Châu Ô</b> |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 10         | Vương Nguyên                                | 25/03/1966          | Đại học          | Giáo viên                           | 4,98                                                      | 01/7/2015       |                          |                 | 40%                             | 01/12/2024      | 12%                                   | 01/7/2025       | 41 năm 0 tháng                | 18.272.218                         | 59 tuổi 5 tháng                        | 01/9/2025                    | 2 năm 4 tháng              | 511.622.093                                     | 228.402.720                                    | 91.361.088                        | 191.858.285                         |
| *          | <b>Trường Tiểu học xã Bình Chánh</b>        |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                        |                              |                            |                                                 |                                                |                                   |                                     |
| 11         | Huỳnh Thị Thanh Thúy                        | 14/8/1971           | Cao đẳng sư phạm | Giáo viên                           | 4,06                                                      | 01/9/2013       |                          |                 | 31%                             | 01/3/2025       | 14%                                   | 01/3/2025       | 33 năm                        | 14.187.897                         | 54 tuổi                                | 01/9/2025                    | 4 năm                      | 446.918.767                                     | 283.757.947                                    | 70.939.487                        | 92.221.333                          |



| TT        | Họ và tên                          | Ngày tháng năm sinh | Trình độ đào tạo | Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm | Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng |                 | Phụ cấp chức vụ (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) |                 | Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) |                 | Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH | Tiền lương tháng hiện hưởng (đồng) | Tuổi khi giải quyết tính toán hưởng chế độ | Thời điểm tính toán hưởng chế độ | Số năm nghỉ hưu trước tuổi | Kinh phí để thực hiện tính toán hưởng chế độ (đồng) |                                                |                                   |                                     |
|-----------|------------------------------------|---------------------|------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
|           |                                    |                     |                  |                                     | Hệ số lương                                               | Thời điểm hưởng | Hệ số                    | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                     | Thời điểm hưởng | Mức phụ cấp                           | Thời điểm hưởng |                               |                                    |                                            |                                  |                            | Tổng cộng                                           | Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi | Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH | Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH |
| 1         | 2                                  | 3                   | 4                | 5                                   | 6                                                         | 7               | 8                        | 9               | 10                              | 11              | 12                                    | 13              | 14                            | 15                                 | 16                                         | 17                               | 18                         | 19                                                  | 20                                             | 21                                | 22                                  |
| *         | Trường Tiểu học số 1 xã Bình Thạnh |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                            |                                  |                            |                                                     |                                                |                                   |                                     |
| 12        | Huỳnh Thị Thanh Tỳ                 | 01/5/1972           | Cao đẳng sư phạm | Giáo viên                           | 4,06                                                      | 01/4/2016       |                          |                 | 29%                             | 01/4/2025       | 11%                                   | 01/10/2024      | 31 năm                        | 13.603.623                         | 53 tuổi 4 tháng                            | 01/10/2025                       | 5 năm                      | 482.928.608                                         | 340.090.569                                    | 68.018.114                        | 74.819.925                          |
| *         | Trường THCS xã Bình Nguyên         |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                            |                                  |                            |                                                     |                                                |                                   |                                     |
| 13        | Nguyễn Tài Hậu                     | 20/8/1968           | Cao đẳng         | Giáo viên                           | 4,89                                                      | 01/4/2021       |                          |                 | 31%                             | 02/11/2024      | 6%                                    | 01/4/2025       | 33 năm                        | 15.889.194                         | 57 tuổi 1 tháng                            | 01/10/2025                       | 4 năm 11 tháng             | 579.955.594                                         | 397.229.859                                    | 79.445.972                        | 103.279.763                         |
| V         | XÃ THIÊN TÍN                       |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                            |                                  |                            | 556.491.005                                         | 345.408.210                                    | 76.757.380                        | 134.325.415                         |
| *         | Trường Tiểu học Hành Tín Tây       |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                            |                                  |                            |                                                     |                                                |                                   |                                     |
| 14        | Nguyễn Tấn Hòa                     | 20/02/1968          | Trung cấp        | Giáo viên                           | 4,06                                                      | 01/5/2012       | ###                      | 30/8/2024       | 35%                             | 01/05/2025      | 16%                                   | 01/05/2025      | 37 năm 3 tháng                | 15.351.476                         | 57 tuổi 9 tháng                            | 01/12/2025                       | 4 năm 3 tháng              | 556.491.005                                         | 345.408.210                                    | 76.757.380                        | 134.325.415                         |
| TỔNG CỘNG |                                    |                     |                  |                                     |                                                           |                 |                          |                 |                                 |                 |                                       |                 |                               |                                    |                                            |                                  |                            | 7.529.158.809                                       | 4.623.834.216                                  | 1.140.563.320                     | 1.764.761.272                       |